

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 01-CF/LTV/2020

Thực phẩm bổ sung:

KẸO MÚT SUKUSUKU HƯƠNG TRÁI CÂY

2020

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-CF/LTV/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000. Số giấy chứng nhận: VN 18/00413. Ngày cấp: 03/03/2018.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

Thực phẩm bổ sung: KẸO MÚT SUKUSUKU HƯƠNG TRÁI CÂY

2. Thành phần:

Thực phẩm bổ sung: Kẹo mút SukuSuku Hương trái cây – Hương dâu

Đường, nha, chất điều chỉnh độ axit (INS 330), vitamin hỗn hợp (vitamin C (155,67 mg/100g), vitamin B1 (3,14 mg/100g), vitamin B6 (2,59 mg/100g), axit folic, vitamin K1, vitamin D3 (24,9 µg/100g), vitamin B12), hương dâu giống tự nhiên, màu thực phẩm tổng hợp (INS 124).

Thực phẩm bổ sung: Kẹo mút SukuSuku Hương trái cây – Hương cam

Đường, nha, chất điều chỉnh độ axit (INS 330), vitamin hỗn hợp (vitamin C (155,67 mg/100g), vitamin B1 (3,14 mg/100g), vitamin B6 (2,59 mg/100g), axit folic, vitamin K1, vitamin D3 (24,9 µg/100g), vitamin B12), hương cam tự nhiên (0,275%), màu thực phẩm tổng hợp (INS 110).

Lưu ý: Sản phẩm chứa đậu nành và sản phẩm từ đậu nành

Thực phẩm bổ sung: Kẹo mút SukuSuku Hương trái cây – Hương dưa hấu

Đường, nha, chất điều chỉnh độ axit (INS 330), vitamin hỗn hợp (vitamin C (155,67 mg/100g), vitamin B1 (3,14 mg/100g), vitamin B6 (2,59 mg/100g), axit folic, vitamin K1, vitamin D3 (24,9 µg/100g), vitamin B12), hương dưa hấu giống tự nhiên, màu thực phẩm tổng hợp (INS 102, INS 132).



Thực phẩm bổ sung: Kẹo mút SukuSuku Hương trái cây

Thành phần: Đường, nha, chất điều chỉnh độ axit (INS 330), vitamin hỗn hợp (vitamin C (155,67 mg/100g), vitamin B1 (3,14 mg/100g), vitamin B6 (2,59 mg/100g), axit folic, vitamin K1, vitamin D3 (24,9 µg/100g), vitamin B12), Hương cam tự nhiên (0,275%), hương dâu và hương dưa hấu giống tự nhiên, màu thực phẩm tổng hợp (INS 110, INS 124, INS 102, INS 132).

Lưu ý: Sản phẩm chứa đậu nành và sản phẩm từ đậu nành

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Que kẹo hình mặt Doraemon được gắn vào que giấy và đóng gói thành các túi, mỗi túi chứa một que kẹo có khối lượng tịnh 8 g, sau đó được đóng gói thành hai dạng có khối lượng tịnh như sau:

- Dạng túi: 72 g (9 que x 8 g)

Hương cam: 3 que x 8 g; Hương dâu: 3 que x 8 g; Hương dưa hấu: 3 que x 8 g.

- Dạng hộp: 240 g (30 que x 8 g)

Hương cam: 10 que x 8 g; Hương dâu: 10 que x 8 g; Hương dưa hấu: 10 que x 8 g.

4.2. Chất liệu bao bì:

Que kẹo gắn với sản phẩm được làm bằng giấy an toàn theo quy định Việt Nam.

Bao bì trực tiếp đựng sản phẩm được làm bằng nhựa OPP30µ/VMCPP25µ chuyên dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12 – 1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Nơi sản xuất: Công ty TNHH Eikodo Việt Nam
- Địa chỉ: Lô đất số J-2, Khu công nghiệp Thăng Long II, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Thương nhân chịu trách nhiệm và phân phối sản phẩm: Công ty TNHH Lotte Việt Nam.
- Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Trên bao bì có ghi nhãn hàng hóa theo Nghị định 43/2017/NĐ – CP (Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm))

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT – giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- Tiêu chuẩn về hóa lý cụ thể do doanh nghiệp tự xây dựng (đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 23 tháng 7 năm 2020

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Tổng Giám Đốc
AKIHIRO YAMADA



TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Thực phẩm bổ sung: Kẹo mút SukuSuku Hương trái cây

1. CHỈ TIÊU CẢM QUAN

Thực phẩm bổ sung: Kẹo mút SukuSuku Hương trái cây – Hương dâu

Trạng thái: dạng viên, hình mặt Doraemon, có gắn que cầm bằng giấy

- Màu sắc : màu hồng

- Mùi vị : vị ngọt, chua, hương dâu

Thực phẩm bổ sung: Kẹo mút SukuSuku Hương trái cây – Hương cam

Trạng thái: dạng viên, hình mặt Doraemon, có gắn que cầm bằng giấy

- Màu sắc : màu cam

- Mùi vị : vị ngọt, chua, hương cam

Thực phẩm bổ sung: Kẹo mút SukuSuku Hương trái cây – Hương dưa hấu

Trạng thái: dạng viên, hình mặt Doraemon, có gắn que cầm bằng giấy

- Màu sắc : màu xanh

- Mùi vị : vị ngọt, chua, hương dưa hấu

2. CHỈ TIÊU HÓA LÝ, VI SINH, KIM LOẠI NẶNG

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
2.1	Chỉ tiêu lý hoá		
	Độ ẩm	g/100 g	Mức tối đa 3
	Hàm lượng vitamin B1	mg/100g	2.5 – 3.8
	Hàm lượng vitamin B6	mg/100g	2.1 – 3.2
	Hàm lượng vitamin C	mg/100g	124.5 – 186.8
	Hàm lượng vitamin D3	µg/100g	19.9 – 29.88
	Hàm lượng Sunfit	mg/kg	< 10
2.2	Chỉ tiêu vi sinh		
	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	Vi khuẩn /g	10 ⁴
	<i>Coliforms</i>	Vi khuẩn /g	10
	<i>Clostridium perfringens</i>	Vi khuẩn /g	10
	<i>Escherchia coli</i>	Vi khuẩn /g	Không có
	<i>Staphylococcus aureus</i>	MPN/g	3
	<i>Bacillus cereus</i>	Vi khuẩn /g	10
	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/25g	Không có
2.3	Hàm lượng kim loại nặng		
	Hàm lượng cadimi	mg/kg	1
	Hàm lượng chì	mg/kg	0.5
	Hàm lượng asen	mg/kg	1
	Hàm lượng thủy ngân	mg/kg	0.05

Bình Dương, ngày 22 tháng 07 năm 2020



Tổng Giám Đốc
AKIHIRO YAMADA

LBH: 01
KH : QP-55-15

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KEO MÚT SUKUSUKU
Hương	HƯƠNG TRÁI CÂY - HƯƠNG CAM
Loại bao bì	túi
Khối lượng tịnh	8 g



Phê duyệt TGD <i>Akihiro Yamada</i> Akihiro Yamada	Phê duyệt GDNM <i>Nguyễn Thị Thanh</i> Nguyễn Thị Thanh	Kiểm tra thiết kế Marketing <i>Mai Trung Hiếu</i> Mai Trung Hiếu	Kiểm tra nội dung Phòng QA <i>Nguyễn Thị Hồng Tâm</i> Nguyễn Thị Hồng Tâm
---	--	---	--

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KEO MÚT SUKUSUKU
Hương	HƯƠNG TRÁI CÂY - HƯƠNG DÂU
Loại bao bì	túi
Khối lượng tịnh	8 g



Phê duyệt TGD Akihiro Yamada	Phê duyệt GĐNM Nguyễn Thị Thanh	Kiểm tra thiết kế Marketing Mai Trung Hiếu	Kiểm tra nội dung Phòng QA Nguyễn Thị Hồng Tâm
--	---	--	--

Sản phẩm	KEO MÚT SUKUSUKU
Hương	HƯƠNG TRÁI CÂY - HƯƠNG DƯA HẦU
Loại bao bì	Túi
Khối lượng tịnh	8 g



Phê duyệt TGD	Phê duyệt GDNM	Kiểm tra thiết kế Marketing	Kiểm tra nội dung Phòng QA
Akihiro Yamada	Nguyễn Thị Thanh	Mai Trung Hiếu	Nguyễn Thị Hồng Tâm

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KẸO MÚT SUKUSUKU
Hương	HƯƠNG TRÁI CÂY
Loại bao bì	túi
Khối lượng tịnh	72 g (9 que x 8 g)



Phê duyệt TGD  Akihiro Yamada	Phê duyệt GĐNM  Nguyễn Thị Thanh	Kiểm tra thiết kế Marketing  Mai Trung Hiếu	Kiểm tra nội dung Phòng QA  Nguyễn Thị Hồng Tâm
--	---	---	--

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	KẸO MÚT SUKUSUKU
Hương	HƯƠNG TRÁI CÂY
Loại bao bì	túi
Khối lượng tịnh	240 g (30 que x 8 g)



Phê duyệt TGD  Akihiro Yamada	Phê duyệt GDNM  Nguyễn Thị Thanh	Kiểm tra thiết kế Marketing  Mai Trung Hiếu	Kiểm tra nội dung Phòng QA  Nguyễn Thị Hồng Tâm
--	---	---	--

Công ty TNHH Lotte Việt Nam

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

BẢNG MỨC ĐÁP ỨNG NHU CẦU DINH DƯỠNG TRONG 32 g SẢN PHẨM
(Theo thông tư 43/2014/TT-BYT)

Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung KẸO MÚT SUKU SUKU HƯƠNG TRÁI CÂY

Hàm lượng các loại Vitamin tương ứng Vitamin trong 4 que kẹo



Nhóm tuổi, giới	Vitamin B1 (%)	Vitamin B6(%)	Vitamin C (%)	Vitamin D (%)
Trẻ em				
4-6 tuổi	166.7	136.7	166	159.4
7-9 tuổi	111.1	82	142.3	159.4
Nam vị thành niên				
10-12 tuổi	83.3	63.1	76.6	159.4
13-15 tuổi				
16-18 tuổi				
Nam trưởng thành				
19-50 tuổi	83.3	63.1	71.2	79.7
51-60 tuổi		48.2		79.7
≥ 60 tuổi				53.1
Nữ vị thành niên				
10-12 tuổi	90.9	68.3	76.6	159.4
13-15 tuổi				
16-18 tuổi				
Nữ trưởng thành				
19-50 tuổi	83.3	63.1	71.2	79.7
51-60 tuổi	90.9	54.7		79.7
>60 tuổi	90.9			53.1
Phụ nữ mang thai	71.4	43.2	62.3	159.4
Bà mẹ cho con bú	66.7	41	52.4	159.4

BS. THU MINH
(Biên soạn)



Tủ sách thầy thuốc gia đình



BÁCH KHOA VỀ VITAMIN



 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



Bách khoa Vitamin

thể. Vitamin hoà tan trong mỡ có vitamin A, D, E, K; vitamin hoà tan trong nước gồm có vitamin nhóm B và vitamin C, P.

1.3 Công dụng của các loại vitamin chủ yếu

Vitamin A (retinol): Có tác dụng chống bệnh khô mắt, tham gia bảo vệ thị lực, để phòng tế bào biểu bì bị sừng hoá, thúc đẩy sinh trưởng. Vitamin A chủ yếu có trong các thức ăn như: cà rốt, gan, rau xanh, dầu gan cá...

* *Vitamin E (tocopherol)*: Phòng chống lão hoá, bảo vệ da, thúc đẩy tuần hoàn máu, chủ yếu có trong các loại lương thực ngũ cốc, rau xanh, dầu mỡ, quả khô...

* *Vitamin D*: Điều tiết sự chuyển hoá canxi, photpho, rất quan trọng đối với xương, răng. Vitamin D chủ yếu có trong lòng đỏ trứng, gan, sữa, cá...

* *Vitamin K (vitamin cầm máu)*: Giúp cho máu đông. Có trong rau chân vịt, xu hào, súp lơ, gan...

* *Vitamin B1 (thiamin)*: Chống viêm thần kinh để phòng phù thũng, tham gia chuyển hoá đường, có tác dụng điều tiết quan trọng đối với thần kinh, tiêu hoá, cơ bắp... Vitamin B1 chủ yếu có trong lương thực ngũ cốc, đậu, gan, thịt nạc...

* *Vitamin B2 (riboflavin)*: Có quan hệ chặt chẽ đối với quá trình sinh trưởng phát triển da, niêm mạc, mắt và sự chuyển hoá chất. Vitamin B2 có trong rau xanh, đậu, sữa...

* *Vitamin B3 (niacin, axit nicotinic)*: Tham gia chuyển hoá đường và lipit, giúp da và tóc giữ được trạng thái tốt đẹp nhất. Vitamin B3 có trong rau xanh, sữa, lòng đỏ trứng.

* *Vitamin B5 (axit pantothenic)*: Điều tiết hệ thống thần kinh, giảm cholesterol trong huyết thanh. Vitamin B5 chủ yếu có trong các loại rau lá, ngũ cốc, lạc, gan.

* *Vitamin B6 (pyridoxic)*: Duy trì chuyển hoá protein, là chất an thần, thúc đẩy phát triển, cần thiết cho da và ngực phát triển. Có trong lương thực ngũ cốc, đậu, sữa.

* *Vitamin B11 (axit folic)*: Điều khiển hệ thống huyết dịch, thúc đẩy tế bào phát triển. Vitamin B11 có chủ yếu trong rau xanh.

* *Vitamin B12 (calabasimin)*: Là vitamin không thể thiếu được cho máu thần kinh, đường ruột. Có trong các loại tảo biển, gan, thức ăn lên men.

* *Vitamin H (biotin)*: Thúc đẩy chuyển hoá chất béo, bảo vệ da và thần kinh, có trong sữa, gan, thịt, cá...

* *Vitamin C (axit ascorbic)*: Thúc đẩy tế bào sinh trưởng và hình thành kháng thể, phòng chữa bệnh hoại huyết. Có trong rau xanh và hoa quả.

* *Vitamin P (bioflavonoit)*: Giúp cơ thể hấp thu vitamin C, bảo vệ và duy trì công năng của mạch máu, có trong quýt cam, chanh, rau cần...

2. VITAMIN - CHẤT KHOÁNG TRONG THỨC ĂN

2.1 Các loại thức ăn chứa nhiều vitamin nhất

Vitamin và chất khoáng tồn tại chủ yếu trong các loại thức ăn, có một số thức ăn chứa nhiều loại vitamin thì

Bách khoa Vitamin

thường bị thiếu vitamin A. Những trường hợp này thường xảy ra ở trẻ dưới 5 tuổi, chủ yếu do ăn uống không đủ.

Vitamin A là chất dinh dưỡng quan trọng đối với những người phải đeo kính lâu ngày hoặc những người phải ngồi trước màn hình máy tính nhiều thời gian.

Phụ nữ mang thai và đang cho con bú cũng rất cần vitamin A.

** Chứng bệnh thiếu vitamin A*

Thiếu vitamin A trong thời gian dài sẽ dẫn đến chứng mắt khô và chứng quáng gà, thậm chí còn dẫn đến bị mù.

** Biểu hiện quá lượng vitamin A*

Dị ứng, sốt nóng, ỉa chảy, đau đầu, các triệu chứng trên sẽ mất dần sau 6 tiếng đồng hồ.

◆ Vitamin B1 (thiamin)

Vitamin B1 là loại vitamin hoà tan trong nước, cũng giống như các loại vitamin nhóm B khác, vitamin B1 còn dư lại sẽ không được tích trữ trong cơ thể mà bị thải hết ra ngoài cơ thể, cho nên phải bổ sung hằng ngày, giữa vitamin nhóm B cũng có tác dụng hỗ trợ nhau, một lần hấp thu toàn bộ vitamin nhóm B sẽ có hiệu quả tốt hơn so với hấp thu từng loại riêng. Nếu tỉ lệ hấp thu vitamin B1, B2, B6 không đều nhau thì không có hiệu quả. Nên theo tỉ lệ sau: B1 50mg, B2 50mg, B6 50 mg.

** Lượng hấp thu mỗi ngày*

Người lớn mỗi ngày hấp thu 1 - 1,5 mg, phụ nữ mang thai và đang cho con bú mỗi ngày 1,5 - 1,6 mg. Khi bị ốm, sinh hoạt cũng căng thẳng, bị mổ xẻ phải tăng thêm lượng hấp thu vitamin B1 được coi là vitamin tinh thần là vì vitamin B1 có ảnh hưởng rất tốt tới trạng thái tinh thần và các tổ chức thần kinh.

** Chu kì bổ sung*

Vitamin B1 chỉ giữ lại trong cơ thể 3 - 6 tiếng đồng hồ, cho nên phải bổ sung hằng ngày.

** Nguồn thức ăn chứa vitamin B2*

Gạo, cám gạo, lạc, thịt lợn, cà chua, cà, cải trắng, sữa bò...

** Nhóm người cần bổ sung vitamin B1*

Những người không muốn ăn uống, bệnh dạ dày, tóc khô, trí nhớ giảm, cơ cơ... chứng tỏ là bị thiếu vitamin B1.

Những người hút thuốc, uống rượu, thích ăn đường trắng phải tăng cường lượng hấp thu vitamin B1.

Những người mang thai đang trong thời kì cho con bú hoặc phụ nữ uống thuốc tránh thai phải cần một lượng vitamin B1 lớn.

Nếu như sau bữa ăn bạn phải uống thuốc chữa dạ dày thì bạn sẽ mất đi vitamin B1 đã hấp thu được trong bữa ăn đó.

Những người trong trạng thái căng thẳng như ốm đau, lo nghĩ, đánh nhau, sau phẫu thuật không chỉ cần B1 mà còn cần tất cả các loại vitamin nhóm B.

** Nhóm người cần vitamin B11*

Phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú phải chú ý đặc biệt đến việc tăng thêm lượng vitamin B11.

- Nếu uống rượu thường xuyên thì phải ăn nhiều vitamin B11.

- Vitamin C nhiều sẽ làm cho axit folic thải ra nhanh, cho nên những người hấp thu trên 2g vitamin C thì phải tăng thêm lượng axit folic.

- Những người đang uống loại sunphamit, thuốc an thần, thuốc aspirin, hoocmôn... thì cần phải tăng thêm lượng axit folic.

** Chứng thiếu vitamin B11*

Thiếu máu, viêm lưỡi, triệu chứng thần kinh nhẹ như mất ngủ, hay quên, lo lắng bồn chồn.

◆ Vitamin B12 (cobalamin)

Vitamin B12 là loại vitamin tương đối đặc biệt, hàm lượng có trong rau rất ít, chủ yếu là có trong thức ăn động vật. Vitamin B12 rất khó được cơ thể hấp thu trực tiếp, nó phải kết hợp với canxi thì mới có lợi cho hoạt động chức năng của cơ thể.

** Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn mỗi ngày cần 2mg. Phụ nữ mang thai cần 2,2mg, đang cho con bú cần 2,6mg. Hấp thu cùng với canxi và axit folic thì hiệu quả sẽ tốt hơn.

** Nguồn thức ăn chứa vitamin B12*

Vitamin B12 có trong nội tạng động vật, thịt nạc, cá, trứng, sữa, táo đỏ, bí ngô...

** Nhóm người cần bổ sung vitamin B12*

Người già, người ăn chay phải bổ sung vitamin B12.

Nếu bạn phải thường xuyên tiếp khách, uống nhiều rượu thì việc bổ sung vitamin B12 là rất quan trọng.

Vitamin B12 rất quan trọng và có ích cho bạn trong thời kì kinh nguyệt và trước thời kì kinh nguyệt. Phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú cũng cần phải bổ sung vitamin B12.

** Chứng thiếu vitamin B12*

Thiếu vitamin B12 sẽ dẫn đến thiếu máu ác tính, các bệnh về não như trí nhớ giảm, đau đầu, ngầy ngơ...

** Công dụng*

- Thúc đẩy hình thành và tái sinh hồng cầu để phòng thiếu máu.
- Giữ gìn hệ thống thần kinh khoẻ mạnh.
- Thúc đẩy sự trưởng thành của nhi đồng, tăng sự thèm ăn.
- Chuyển hoá axit béo, làm cho chất béo, đường, đạm được cơ thể sử dụng.
- Giảm lo lắng, tập trung sự chú ý, tăng cường trí nhớ và cảm giác cân bằng.

Bách khoa Vitamin

◆ Vitamin C (axit ascorbic)

Vitamin C là vitamin tan trong nước là những chất dinh dưỡng tốt nhất, không những là thuốc làm đẹp dung nhan, mà còn là vitamin chống ôxy hoá, bảo vệ tế bào, thậm chí còn chống cả ung thư.

Vitamin C có phổ biến trong các loại rau, hoa quả, nhưng dễ bị môi trường bên ngoài phá huỷ.

* *Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn mỗi ngày cần 60mg. Phụ nữ trong thời gian mang thai và cho con bú thì cần nhiều hơn, mỗi ngày 70 - 95mg. Nhưng phải chú ý vitamin C tuy tốt nhưng nếu hấp thu quá nhiều sẽ có thể gây ra một số tác dụng phụ. Ngoài ra, sau khi uống sâm, trong vòng 3 tiếng đồng hồ không nên uống thuốc vitamin C hoặc ăn thức ăn chứa nhiều vitamin C.

* *Chu kì bổ sung*

Vitamin C chỉ lưu lại trong cơ thể 4 tiếng đồng hồ, cho nên mỗi ngày bổ sung (uống) 2 lần.

* *Thức ăn chứa vitamin C*

Rau xanh, ớt xanh, cà chua, ớt, súp lơ, khoai tây, táo, đào...

* *Những người cần bổ sung vitamin C*

Những người hút thuốc lá, uống rượu và thích ăn thịt, nên bổ sung vitamin C sẽ rất có lợi cho sức khỏe.

Những người uống thuốc tránh thai, thuốc kháng sinh, aspirin phải tăng thêm lượng vitamin C.

Carbon monoxide sẽ phá huỷ vitamin C, cho nên những người sống ở thành phố phải tăng cường hấp thu vitamin C.

** Chứng thiếu vitamin C*

Nếu thiếu nhiều vitamin C sẽ xuất hiện bệnh hoại huyết.

** Biểu hiện quá liều vitamin C*

Nếu không có tác dụng phụ thì chưa chứng minh được là quá liều lượng.

◆ Vitamin D

Vitamin D là loại vitamin tan trong mỡ, được gọi là vitamin của ánh nắng mặt trời, chỉ cần da tiếp xúc với ánh nắng mặt trời chiếu vừa phải là sẽ không bị thiếu vitamin D. Vitamin D cùng với canxi và photpho có tác dụng kiện toàn hệ thống xương, răng của cơ thể, để phòng được bệnh còi xương và bệnh loãng xương.

** Lượng cần thiết mỗi ngày*

Người lớn bình thường mỗi ngày cần 200 - 400 IU (5 - 10mg) là có thể đáp ứng đủ nhu cầu. Phụ nữ mang thai và đang cho con bú cần gấp đôi.

** Chu kỳ bổ sung*

Những người bị thiếu vitamin D chỉ cần bổ sung mỗi ngày một lượng nhỏ là được.

** Thức ăn chứa vitamin D*

Gan, dầu gan cá, sản phẩm sữa (trừ sữa tách bơ), trứng, cá.

Bách khoa Vitamin

**** Nhóm người cần bổ sung***

Những người sống ở thành phố, đặc biệt là những người sống trong những khu vực bị ô nhiễm khói bụi phải bổ sung vitamin D nhiều hơn.

Những người làm nghề bàn giấy, làm đêm hoặc làm những nghề ít được tiếp xúc với ánh nắng mặt trời phải chú ý hơn đến việc bổ sung vitamin D trong ăn uống.

Những người ăn chay, trẻ nhỏ và người già phải bổ sung vitamin D.

**** Chứng thiếu vitamin D***

Thiếu vitamin D có thể dẫn đến bệnh còi xương, bệnh mềm xương, sâu răng, loãng xương.

**** Biểu hiện quá liều lượng vitamin D***

Nhịp tim không đều, huyết áp tăng cao, co giật, suy thận, nôn thào...

**** Công dụng***

- Thúc đẩy hấp thu canxi và photpho, tăng cường cho xương và răng.

- Điều tiết sự phát triển, giúp cho trẻ nhỏ phát triển bình thường, phòng chữa bệnh còi xương.

- Giúp hấp thu vitamin A.

- Có tác dụng để phòng loãng xương, thiếu canxi ở thời kỳ mãn kinh.

KT3-05475ATP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

13/07/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : **KEO MÚT SUKUSUKU HƯƠNG TRÁI CÂY – HƯƠNG DỪA HẦU**
2. Mô tả mẫu
Sample description : **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : **01**
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : **01/07/2020**
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : **02/07/2020 - 13/07/2020**
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**
Đường Võ Minh Đức, P. Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : **Xem trang / See page 02,03/03**

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. / Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05475ATP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/07/2020

Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Độ ẩm, g/100 g <i>Moisture content</i>	TCVN 4069:2009	-	0,65
7.2. Hàm lượng vitamin B1 (Thiamin hydrochloride), mg/100 g <i>Vitamine B1 content</i>	QTTN/KT3 075 : 2016	-	3,22
7.3. Hàm lượng vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride), mg/100 g <i>Vitamine B6 content</i>	QTTN/KT3 037 : 2016	-	2,66
7.4. Hàm lượng vitamin D3 (Cholecalciferol), µg/100 g <i>Vitamine D3 content</i>	QTTN/KT3 175 : 2017 (Ref: AOAC 2016 (2011.11))	-	25,5
7.5. Hàm lượng vitamin C (Axit ascorbic), mg/100 g <i>Vitamine C content</i>	QTTN/KT3 038 : 2016	-	157
7.6. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Hàm lượng sunfit tính theo SO ₂ , mg/kg <i>Sulfite content as SO₂</i>	AOAC 2016 (990.28)	2,00	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Định danh màu ⁽¹⁾ <i>Identification of color</i>	TCVN 5517 : 1991	-	- Tartrazine - Indigo carmine

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 % / Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05475ATP0/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



07/2020

Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :

Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.12. <i>Salmonella</i> spp /25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.13. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i>	CFU/g ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.14. Coliform,	CFU/g ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.15. <i>E. Coli</i> ,	CFU/g ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.16. <i>Staphylococcus aureus</i> ,	CFU/g AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.17. <i>Bacillus cereus</i> giả định, <i>Presumptive bacillus cereus</i>	CFU/g ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.18. <i>Clostridium perfringens</i> ,	CFU/g ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>

Ghi chú/ Note: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(1): Màu được khảo sát trên các chuẩn màu sau / *The color were determined base on standard colors: Carmoisine (Azorubine), Allura red, Amaranth, Ponceau 4R, Erythrosine, Quinoline yellow, Tartrazine, Brilliant blue, Indigocarmine, Brown HT, Fast Green, Patent blue, Sunset yellow*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, ở mức tin cậy 95 %. / *Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.*

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qlatest3.com.vn và rq.tr@qlatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@qlatest3.com.vn and rq.tr@qlatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05475ATP0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/07/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu : Kẹo Mút Sukusuku Hương Trái Cây – Hương Dâu
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 01/07/2020
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 02/07/2020 - 13/07/2020
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM
Customer
Đường Võ Minh Đức, P. Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02,03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. / Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qlatest3.com.vn và rg.m@qlatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@qlatest3.com.vn and rg.m@qlatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05475ATP0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Độ ẩm, g/100 g <i>Moisture content</i>	TCVN 4069:2009	-	0,59
7.2. Hàm lượng vitamin B1 (Thiamin hydrochloride), mg/100 g <i>Vitamine B1 content</i>	QTTN/KT3 075 : 2016	-	3,14
7.3. Hàm lượng vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride), mg/100 g <i>Vitamine B6 content</i>	QTTN/KT3 037 : 2016	-	2,56
7.4. Hàm lượng vitamin D3 (Cholecalciferol), µg/100 g <i>Vitamine D3 content</i>	QTTN/KT3 175 : 2017 (Ref: AOAC 2016 (2011.11))	-	25,1
7.5. Hàm lượng vitamin C (Axit ascorbic), mg/100 g <i>Vitamine C content</i>	QTTN/KT3 038 : 2016	-	157
7.6. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Hàm lượng sunfit tính theo SO ₂ , mg/kg <i>Sulfite content as SO₂</i>	AOAC 2016 (990.28)	2,00	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng arsen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Định danh màu ⁽¹⁾ <i>Identification of color</i>	TCVN 5517 : 1991	-	Ponceau 4R

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. / Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05475ATP0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



13/07/2020
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.12. <i>Salmonella</i> spp /25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện Not detected
7.13. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g <i>Total aerobic plate count</i>	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.14. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.15. <i>E. Coli</i> , CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.16. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.17. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.18. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than

Ghi chú/ Note: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(1): Màu được khảo sát trên các chuẩn màu sau / *The color were determined base on standard colors: Carmoisine (Azorubine), Allura red, Amaranth, Ponceau 4R, Erythrosine, Quinoline yellow, Tartrazine, Brilliant blue, Indigocarmine, Brown HT, Fast Green, Patent blue, Sunset yellow*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. / *Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.*

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ qlh.cs@qlatest3.com.vn và qlh.cs@qlatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses qlh.cs@qlatest3.com.vn and qlh.cs@qlatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05475ATP0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/07/2020

Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : **KẸO MÚT SUKUSUKU HƯƠNG TRÁI CÂY – HƯƠNG CAM**
2. Mô tả mẫu
Sample description : **Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.**
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : **01**
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : **01/07/2020**
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : **02/07/2020 - 13/07/2020**
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**
Đường Võ Minh Đức, P. Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : **Xem trang / See page 02,03/03**

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 % / Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qlatest3.com.vn và rq.tn@qlatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@qlatest3.com.vn and rq.tn@qlatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05475ATP0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT



7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Độ ẩm, g/100 g <i>Moisture content</i>	TCVN 4069:2009	-	0,63
7.2. Hàm lượng vitamin B1 (Thiamin hydrochloride), mg/100 g <i>Vitamine B1 content</i>	QTTN/KT3 075 : 2016	-	3,05
7.3. Hàm lượng vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride), mg/100 g <i>Vitamine B6 content</i>	QTTN/KT3 037 : 2016	-	2,55
7.4. Hàm lượng vitamin D3 (Cholecalciferol), µg/100 g <i>Vitamine D3 content</i>	QTTN/KT3 175 : 2017 (Ref: AOAC 2016 (2011.11))	-	24,1
7.5. Hàm lượng vitamin C (Axit ascorbic), mg/100 g <i>Vitamine C content</i>	QTTN/KT3 038 : 2016	-	153
7.6. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Hàm lượng sunfit tính theo SO ₂ , mg/kg <i>Sulfite content as SO₂</i>	AOAC 2016 (990.28)	2,00	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Định danh màu ⁽¹⁾ <i>Identification of color</i>	TCVN 5517 : 1991	-	Sunset yellow

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo do mở rộng mức lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 % / Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-05475ATP0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

3/07/2020
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.12. <i>Salmonella</i> spp /25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện Not detected
7.13. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.14. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.15. <i>E. Coli</i> , CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.16. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.17. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g Presumptive <i>bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.18. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than

Ghi chú/ Note: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

(1): Màu được khảo sát trên các chuẩn màu sau / The color were determined base on standard colors: Carmoisine (Azorubine), Allura red, Amaranth, Ponceau 4R, Erythrosine, Quinoline yellow, Tartrazine, Brilliant blue, Indigocarmine, Brown HT, Fast Green, Patent blue, Sunset yellow

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 % / Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@qlatest3.com.vn và rq.tn@qlatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dl.cs@qlatest3.com.vn and rq.tn@qlatest3.com.vn for further information about test report.